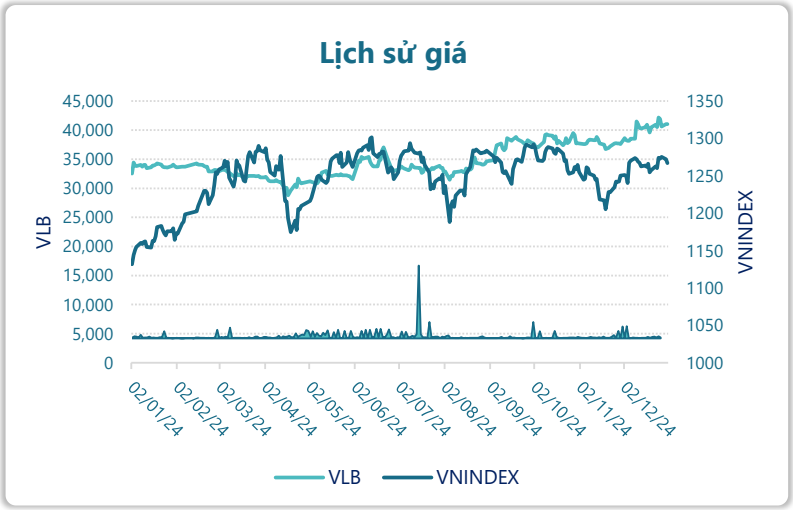
FireAnt

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (UPCOM: VLB)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**43,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,163
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,798
SL cổ phiếu LH	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110,360
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,009
P/E	9.2
EPS	4,666

DT thuần

Q4/24

359

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0| 14.0%

YoY: ▲ 68.0| 23.4%

LN sau thuế

Q4/24

62.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.9| 23.5%

YoY: ▲ 6.30| 11.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.1%

+/- YoY: ▲ 3.9%

DT thuần

2024

1,304

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 301| 30.0%

LN sau thuế

2024

218

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.0| 52.9%

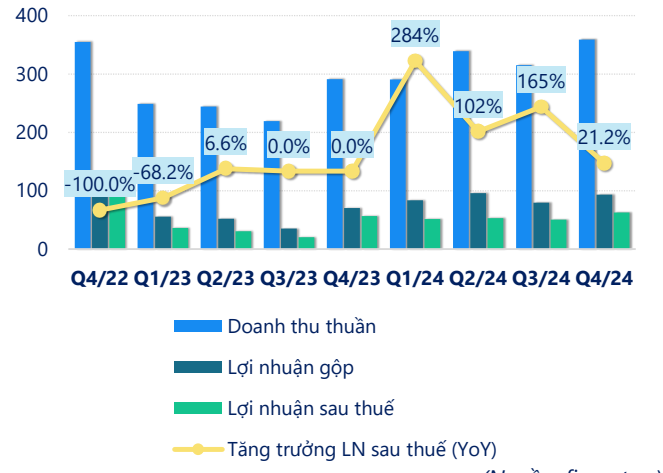
ROE

2024

34.5%

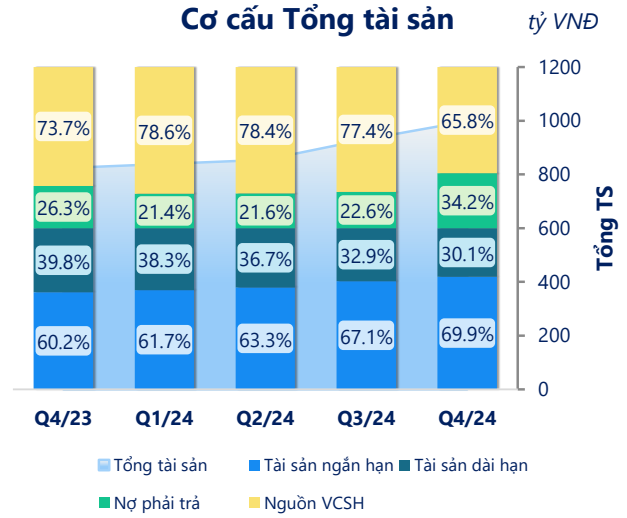
+/- YoY: ▲ 9.4%

Kết quả kinh doanh



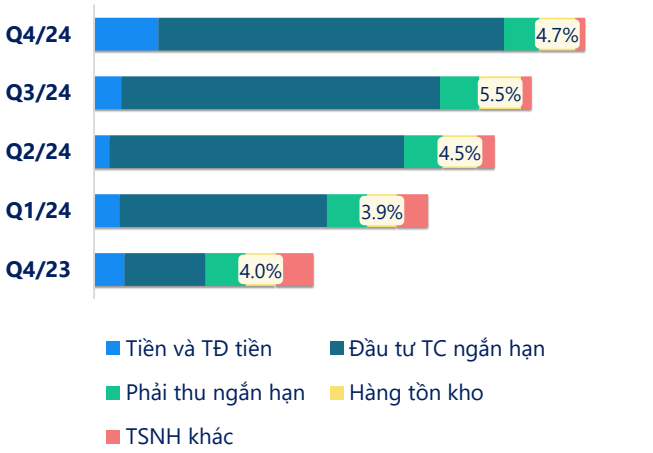
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



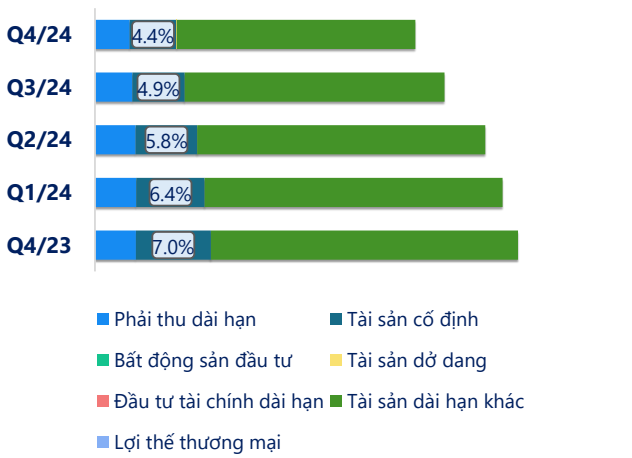
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



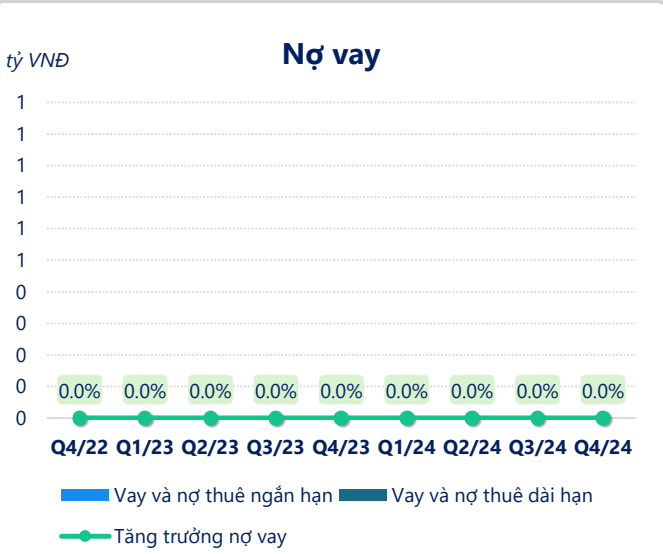
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



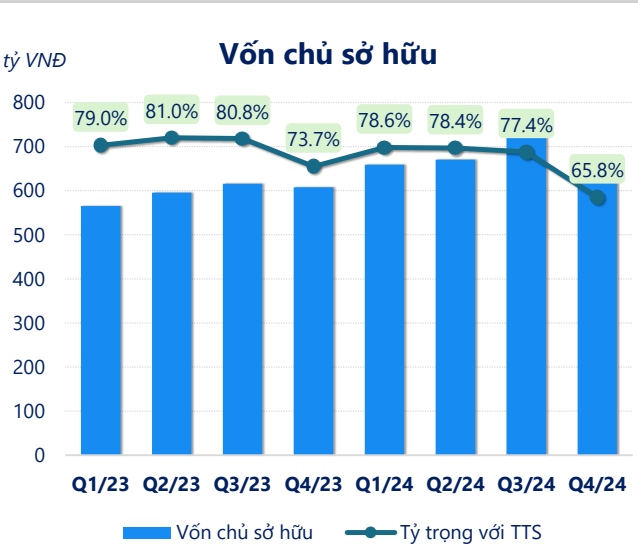
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



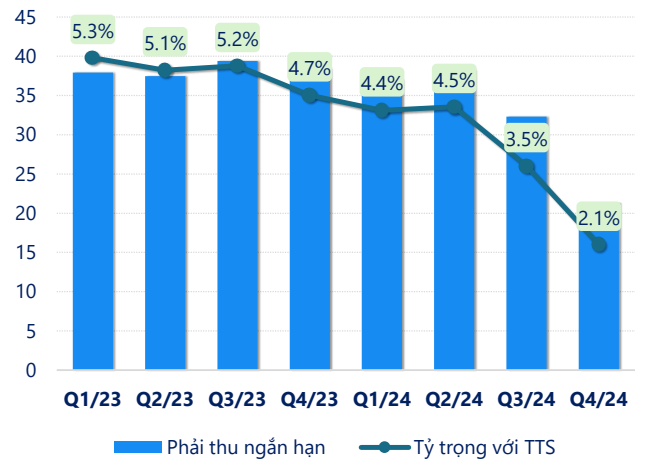
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



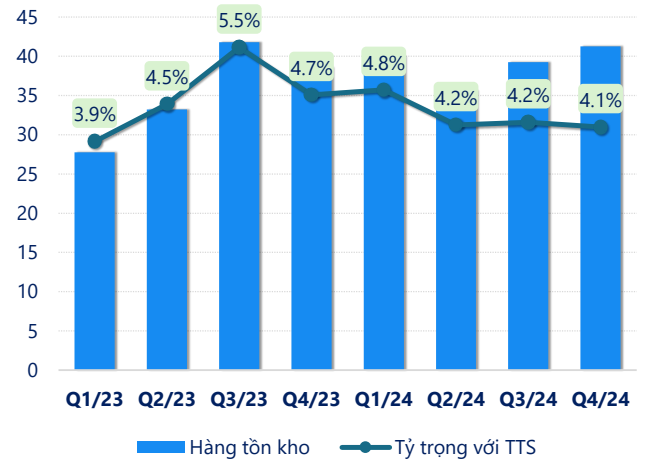
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



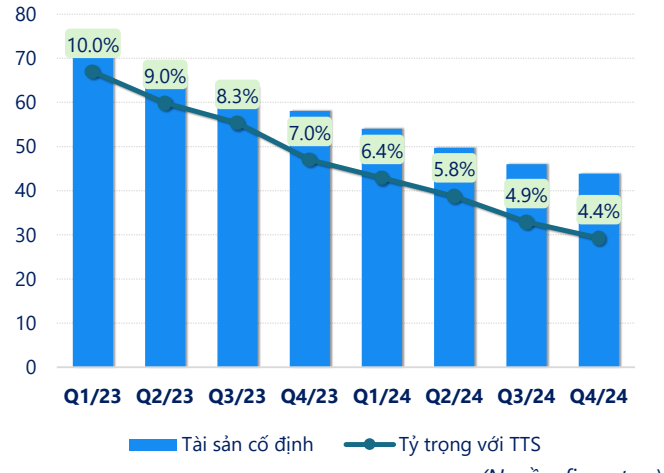
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



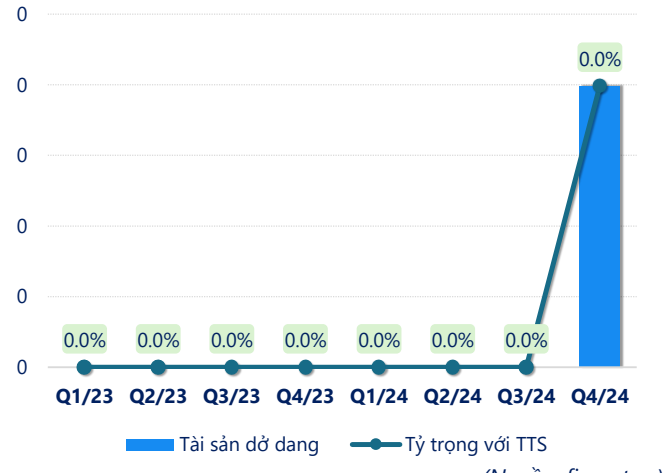
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



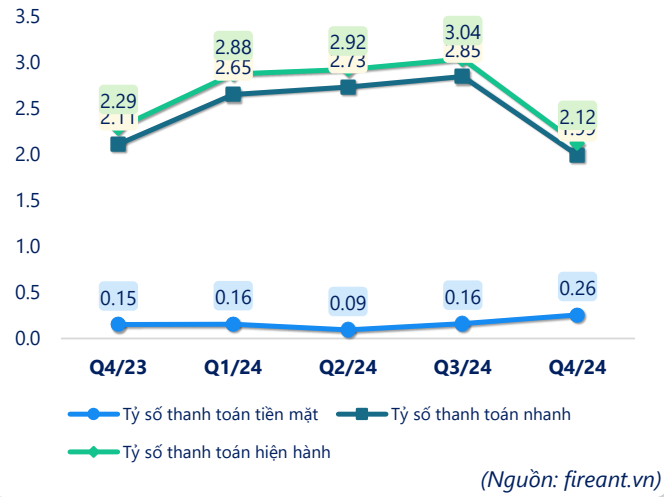
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



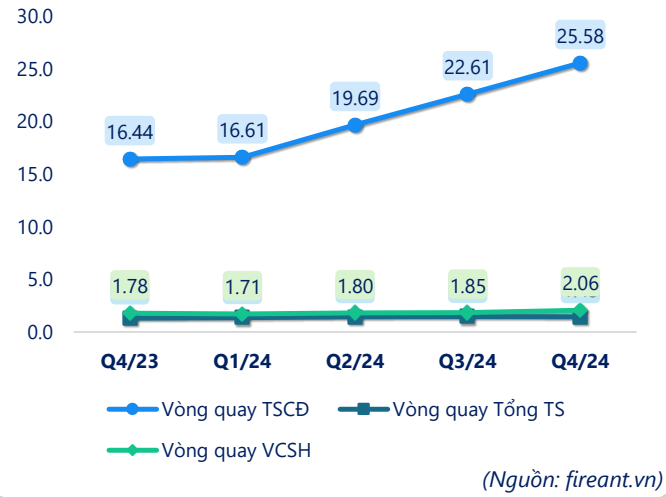
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**824**	**839**	**855**	**931**	**998**
Tài sản ngắn hạn	**496**	**517**	**541**	**625**	**698**
Tiền và tương đương tiền	33.2	28.2	17.4	33.4	84.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	375	412	450	520	551
Phải thu ngắn hạn	38.5	37.1	38.3	32.3	21.3
Hàng tồn kho	38.6	40.0	35.6	39.2	41.3
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	0.20	0.06	0.03	0.00
Tài sản dài hạn	**328**	**322**	**314**	**306**	**301**
Phải thu dài hạn	31.7	32.6	32.6	32.6	32.6
Tài sản cố định	58.1	54.0	49.7	46.0	43.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	238	235	231	228	224
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**217**	**180**	**185**	**210**	**341**
Nợ ngắn hạn	**217**	**180**	**185**	**206**	**330**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	23.5	25.6	24.6	25.6	20.5
Nợ dài hạn	0	0	0	4.69	11.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**607**	**659**	**670**	**721**	**657**
Vốn chủ sở hữu	**607**	**659**	**670**	**721**	**657**
Vốn điều lệ	469	469	469	469	469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)